

Tóm tắt một số Quy định về Thuế Giá trị gia tăng có hiệu lực từ ngày 1/7/2025

Tại Bản tin thuế Tháng 1 năm 2025, chúng tôi đã đưa tin những điểm mới của Luật thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”) số 48/2024/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2025. Để hướng dẫn thực hiện Luật thuế GTGT, vừa qua Chính phủ và Bộ Tài chính đã ban hành Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT. Dưới đây là một số quy định sửa đổi đáng lưu ý:

❑ Cách tiếp cận các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách thuế GTGT

1. Theo nhận định của chúng tôi, trước đây, các nội dung hướng dẫn thực hiện chính sách thuế GTGT được quy định chi tiết và cụ thể tại các Thông tư của Bộ Tài chính. Do vậy, khi thực hiện chính sách thuế GTGT, Người nộp thuế và Cơ quan thuế sẽ chủ yếu căn cứ các điều khoản quy định tại các Thông tư. Tuy nhiên, theo nội dung quy định tại văn bản quy phạm pháp luật thuế GTGT có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2025, cần tiếp cận đầy đủ quy định tại Luật, Nghị định và Thông tư để dẫn chiếu căn cứ pháp lý khi thực hiện chính sách thuế GTGT, cụ thể:
 - Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15: dẫn chiếu quy định chung
 - Nghị định số 181/2025/NĐ-CP: dẫn chiếu quy định chi tiết về
 - *Người nộp thuế*
 - *Đối tượng không chịu thuế*
 - *Giá tính thuế*
 - *Thời điểm xác định thuế GTGT*
 - *Thuế suất*
 - *Khấu trừ và hoàn thuế.*
 - Thông tư số 69/2025/TT-BTC: dẫn chiếu quy định chi tiết về
 - *Hồ sơ, thủ tục xác định đối tượng không chịu thuế; hồ sơ, thủ tục áp dụng thuế suất 0%*
 - *Hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng theo tỷ lệ % để tính thuế GTGT*
 - *Cách xác định số thuế GTGT được hoàn đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và đối với hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%*
 - *Thuế GTGT (thuế nhà thầu) đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có doanh thu phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ trước đây được hướng dẫn tại Thông tư 103/2014/TT-BTC.*
2. Các văn bản hướng dẫn chính sách thuế GTGT có hiệu lực từ ngày 1/7/2025 đã bỏ toàn bộ các ví dụ minh họa cho một số tình huống mà trước đây có thể vận dụng khi thực hiện chính sách thuế GTGT.

3. Các văn bản hướng dẫn chính sách thuế GTGT có hiệu lực từ ngày 1/7/2025 đã bỏ các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

❑ Đối tượng không chịu thuế

1. Xác định các đối tượng không chịu thuế GTGT trên cơ sở đồng bộ với một số quy định chuyên ngành như pháp luật về nhà ở, về các tổ chức tín dụng và hoạt động tín dụng, về thông tin đối ngoại, v.v.
2. Định nghĩa “Khu phi thuế quan” theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
3. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT được ban hành theo danh mục chi tiết. Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh sản phẩm xuất khẩu tại danh mục này để phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ liên quan báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.
4. Hồ sơ, thủ tục xác định đối tượng không chịu thuế GTGT được quy định tại Điều 3, Thông tư số 69/2025/TT-BTC.

❑ Giá tính thuế GTGT

Mục 1, Chương II, Nghị định 181/2025/NĐ-CP Quy định nguyên tắc xác định giá tính thuế GTGT và chi tiết xác định giá tính thuế đối với một số hàng hóa/dịch vụ, hoạt động sản xuất kinh doanh.

1. Nguyên tắc xác định giá tính thuế:
 - Giá tính thuế đối với các loại hàng hóa, dịch vụ bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh (CSKD) được hưởng; Không bao gồm các khoản thu không liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của CSKD: các khoản thu về bồi thường bằng tiền, tiền thưởng, thu đòi người thứ ba của hoạt động bảo hiểm, các khoản thu hộ, các khoản thù lao từ cơ quan nhà nước do thực hiện hoạt động thu hộ, chỉ hộ các cơ quan nhà nước, các khoản thu tài chính.
 - Trường hợp CSKD áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng (nếu có) thì giá tính thuế GTGT là giá bán đã chiết khấu thương mại dành cho khách hàng chưa có thuế GTGT.
 - Trường hợp CSKD đã tính thuế GTGT nhưng giá tính thuế bị thay đổi theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan thì giá tính thuế được xác định theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
2. Xác định giá tính thuế đối với một số hàng hóa, dịch vụ cụ thể:
 - Hàng hóa, dịch vụ bán ra và hàng hóa nhập khẩu;

- Hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng và hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại;
- Hoạt động cho thuê tài sản, gia công hàng hóa và hoạt động xây dựng, lắp đặt;
- Hoạt động kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hóa, dịch vụ hưởng hoa hồng và hàng hóa, dịch vụ được sử dụng hóa đơn thanh toán ghi giá thanh toán;
- Dịch vụ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng và dịch vụ kinh doanh đặt cược;
- Hoạt động sản xuất, kinh doanh khác (hoạt động sản xuất điện, hoạt động vận tải, bốc xếp; dịch vụ theo hình thức lữ hành; dịch vụ cầm đồ, hoạt động in, hoạt động đại lý giám định);
- Dịch vụ viễn thông quốc tế;
- Dịch vụ do tổ chức nước ngoài, cá nhân ở nước ngoài cung cấp

❑ Thời điểm xác định thuế GTGT

1. Quy định thời điểm xác định thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu và một số dịch vụ, hoạt động các ngành đặc thù như dịch vụ viễn thông, kinh doanh bảo hiểm, hoạt động cung cấp điện, hoạt động sản xuất điện, nước sạch, kinh doanh bất động sản, xây dựng, lắp đặt và hoạt động dầu khí.
2. *Đối với hàng hóa xuất khẩu:* Thời điểm xác định thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu do người bán tự xác định, nhưng muộn nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định của pháp luật hải quan;
3. *Đối với hàng hóa nhập khẩu:* Thời điểm xác định thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm xác định thuế nhập khẩu theo quy định về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

❑ Thuế suất

1. Quy định chặt chẽ hơn điều kiện áp dụng thuế suất 0% đối với hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các tổ chức trong khu phi thuế quan:
 - *Đối với hàng hóa:* Hàng hóa từ nội địa Việt Nam bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu.
 - *Đối với dịch vụ:*
 - Dịch vụ được cung cấp trực tiếp cho tổ chức trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; và dịch vụ vận chuyển, dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất (DNCX) (dịch vụ nâng hạ container tại cảng, nhà máy, kho hàng; dịch vụ xếp dỡ, bốc xếp tại nhà máy, cảng, sân bay và các chi phí phát sinh có liên quan như: phí chứng từ, phí điện giao hàng, phí niêm chì, phí làm hàng, phí đóng gói).

- Trừ một số dịch vụ không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.
 - Hàng hóa, dịch vụ bán, cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan được áp dụng thuế suất 0% khi phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu của tổ chức trong khu phi thuế quan và không phục vụ cho hoạt động khác không phải hoạt động sản xuất xuất khẩu.
2. Hồ sơ, thủ tục áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% được quy định tại Điều 4, Thông tư số 69/2025/TT-BTC

❑ Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt

1. Giảm ngưỡng thanh toán bằng tiền mặt xuống còn 5 triệu VND (bao gồm thuế GTGT).
2. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt là chứng từ chứng minh việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán.
3. Quy định bổ sung đối với một số trường hợp đặc thù:
 - Hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng cổ phiếu, trái phiếu: phải có hợp đồng mua bán dưới hình thức văn bản quy định rõ phương thức thanh toán này
 - Hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp trong trường hợp đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng nhưng không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì phải kê khai, điều chỉnh giảm số GTGT đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng. Tuy nhiên, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP đã bỏ quy định sau khi đã điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng, CSKD có được chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì CSKD được khai bổ sung
 - Ủy quyền cho người lao động thanh toán không dùng tiền mặt để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và được CSKD thanh toán lại cho người lao động bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt: Nếu việc ủy quyền được quy định trong quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của CDKD thì được khấu trừ thuế GTGT.

❑ Hoàn thuế

1. Bổ sung điều kiện hoàn thuế:
Người bán đã kê khai, nộp thuế GTGT đối với hóa đơn đã xuất cho doanh nghiệp đề nghị hoàn thuế. Doanh nghiệp không được hoàn thuế đối với các hóa đơn thuộc kỳ hoàn thuế tương ứng với kỳ tính thuế người bán chưa nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế GTGT hoặc còn nợ tiền thuế GTGT.

2. Hoàn thuế đối với xuất khẩu:

- Quy định trường hợp “hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác” là hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam sau đó trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu, không bao gồm nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu;
- Quy định công thức xác định thuế GTGT được hoàn đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trong trường hợp vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa.

3. Hoàn thuế dự án đầu tư: Bổ sung quy định thu hồi, không hoàn thuế trong trường hợp dự án đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phải chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, chưa phát sinh thuế GTGT đầu ra của hoạt động sản xuất, kinh doanh chính theo dự án đầu tư.

4. Hoàn thuế đối với CSKD sản xuất hàng hóa/cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT 5%

Quy định trường hợp CSKD sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu nhiều mức thuế suất thuế GTGT:

- Phải hạch toán riêng số thuế GTGT đầu vào dùng cho sản xuất hàng hóa/ cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 5%.
- Nếu không thể hạch toán riêng, số thuế GTGT đầu vào sử dụng cho sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế 5% được xác tỷ lệ giữa doanh thu của hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế 5% trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế của kỳ hoàn thuế.
- Công thức xác định thuế GTGT được hoàn cho CSKD sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT được quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 69/2025/TT-BTC.

❑ Thuế GTGT nhà thầu nước ngoài

Các quy định về thuế GTGT (thuế nhà thầu) đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có doanh thu phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, trước đây được quy định tại Điều 6, Điều 9, Điều 12 và Điều 15 Thông tư 103/2013/TT-BTC, nay được quy định tại Điều 9, Thông tư 69/2025/TT-BTC. Tỷ lệ phần trăm (%) để tính thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu được quy tại Phụ lục I, Thông tư số 69/2025/TT-BTC.